|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS NGUYỄN DUTỔ: VĂN-SỬ-ĐỊA-GDCD | HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN:NGUYỄN THỊ ÁI THUYÊN |

TUẦN 19, 29 TIẾT 28, 29, 30 BÀI 14. NHÀ NƯỚC VÀN LANG-ÂU LẠC

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

PHÂN MÔN: LỊCH SỬ

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

*Sau bài học này, giúp HS:*

1. Về kiến thức
* Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên lược đồ treo tường.
* Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.
* Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

HSKT: chỉ cần xác định được thời gian thành lập và phạm vi của nước Văn Lang, Âu Lạc. Nêu được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

1. Về kĩ năng, năng lực
* Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
* Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.
1. Về phẩm chất

Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên; trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên
* Giáo án theo định hướng phát triển năng lực.
* Lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay, phiếu học tập.
* Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).
1. Học sinh

SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**A: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

* GV có thể sử dụng câu hỏi khai thác và hình 1 trong SGK để tổ chức hoạt động mở đầu bài mới, kích thích HS hứng thú với bài học. Câu hỏi: *Điều gì đã thôi thúc nhân dân ta luôn hướng về mảnh đất cội nguồn?* nhằm gợi mở cho HS hướng đến những thành tựu, giá trị văn hoá truyền thống mà Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc đã để lại từ buổi đầu dựng nước.
* GV có thể linh hoạt tổ chức hoạt động mở đầu bài học bằng các hình thức khác. Ví dụ: Chiếu trên màn hình tờ lịch ngày 10-3 âm lịch rồi dẫn dắt về ý nghĩa của lễ hội Đền Hùng.
* *“Em đã từng nghe truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên chưa? Nếu đã từng thì hãy kể lại vắn tắt nội dung truyền thuyết này. Truyền thuyết này nói lên điều gì?* Câu hỏi này cho phép HS được bày tỏ suy nghĩ theo góc nhìn của cá nhân. Tuy nhiên, để định hướng tốt hơn, GV có thể đặt các câu hỏi nhỏ khác như: *“Em hãy chỉ ra những điểm vô lí trong truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên”* (Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương và thần Long Nữ, là người thần, giống Rồng, đi lại được dưới nước, Âu Cơ là giống Tiên; Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở ra 100 người con); *“Nếu vô lí thì vì sao đến nay, người Việt vẫn coi nhau là “đồng bào” và tự coi mình là Con Rồng cháu Tiên?”* (Vì truyền thuyết này có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hoá tinh thần của người Việt và người Việt luôn tự hào về nòi giống dân tộc mình,...); sau đó dẫn dắt vào bài học.

**B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục 1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được ý nghĩa: Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc thông tin để thực hiện yêu cầu

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1:

* GV hướng dẫn HS đọc thông tin để thực hiện yêu cầu sau: *Hãy xác định phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.*

+ Trước hết, GV gọi một số HS kể tên những con sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trên lược đồ (đó là sông Hồng, sông Mã, sông Chu, sông Cả,...).

+ Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi và tập xác định trên lược đồ phạm vi không gian của nước Văn Lang. Sau đó, gọi đại diện một số cặp đôi lên chỉ trên lược đồ. GV cần nhấn mạnh ý như ở mục b đã lưu ý.

 HS biết xác định trên lược đồ treo tường phạm vi không gian của nước Văn Lang (chủ yếu là lưu vực các con sông lớn: sông Hồng, sông Mã, sông Cả).

Bước 2:

* GV có thể mở rộng cho HS tìm hiểu về sự ra đời Nhà nước Văn Lang dựa trên tìm hiểu truyền thuyết *Sơn Tinh - Thuỷ Tinh, Thánh Gióng* để tìm câu trả lời.

HS nêu được: Do sự phát triển của công cụ đồng và sắt nên đời sống sản xuất có sự chuyển biến, cùng với nhu cầu làm thuỷ lợi (thể hiện qua truyền thuyết *Sơn Tinh - Thuỷ Tinh)* và chống ngoại xâm (thể hiện qua truyền thuyết *Thánh Gióng)* đã thúc đẩy sự ra đời Nhà nước đầu tiên - Nhà nước Văn Lang. GV nhấn mạnh đó là điểm tương đồng với sự hình thành các nhà nước phương Đông khác.

Bước 3:

* GV cho HS thảo luận nhóm hoặc cặp đôi và ghi lại những thông tin chính về: thời gian ra đời, thủ lĩnh (vua), tên nước, kinh đô của Nhà nước Văn Lang.

+ GV đặt câu hỏi yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp với quan sát sơ đồ hình 2, để giúp HS nhận biết được tổ chức bộ máy, đặc điểm của Nhà nước Văn Lang

+ GV cũng có thể mở rộng cho HS: *Em có nhận xét gì về tổ chức Nhà nước Văn Lang?* HS có thể thảo luận, dựa vào sơ đồ để rút ra nhận xét. GV đi đến kết luận cho HS: Tổ chức Nhà nước Văn Lang đã được hình thành từ Trung ương đến địa phương nhưng còn rất sơ khai, đơn giản.

Bước 4:

* GV cho HS đọc thông tin để nhận biết rõ thời gian ra đời (thế kỉ VII TCN) và địa bàn chủ yếu (khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) của Nhà nước Văn Lang.

HS có thể thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp về “Ý *nghĩa của sự ra đời Nhà nước Văn Lang”,* sau đó đại diện nhóm lên trình bày. Các nhóm khác có thể bổ sung để đầy đủ hơn.

HS nêu được ý nghĩa: Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

**Kết luận:** Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhà nước đầu tiên ở Việt Nam ra đời - Nhà nước Văn Lang;

* Địa bàn chủ yếu của nước Văn Lang gắn liền với lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.

Tổ chức Nhà nước Văn Lang: Ở Trung ương, đứng đầu là Hùng Vương, giúp việc cho Hùng Vương là lạc hầu; Ở địa phương, lạc tướng đứng đầu các bộ (có 15 bộ); bồ chính đứng đầu chiềng, chạ.

**Mục 2. Sự ra đời nước Âu Lạc**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc.

**b. Nội dung:** HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc và rút ra được nhận xét: Lãnh thổ Âu Lạc được mở rộng hơn so với Nhà nước Văn Lang.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1:

* Trước hết, GV có thể dẫn dắt bằng việc giải thích nguồn gốc của tên gọi Âu Lạc: đó là dựa trên cơ sở hợp nhất hai tộc người Tây Âu, còn gọi là Âu Việt với Lạc Việt. GV định hướng cho HS hiểu tên gọi này xuất phát từ tinh thần hợp nhất dân tộc.

GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để xác định trên lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay (treo tường) phạm vi không gian của nước Âu Lạc.

HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc và rút ra được nhận xét: Lãnh thổ Âu Lạc được mở rộng hơn so với Nhà nước Văn Lang.

Bước 2:

* GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Nước Âu Lạc ra đời trong bối cảnh nào?*

+ HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện cặp đôi lên trình bày trước lớp.

Bước 3:

* GV đặt câu hỏi và tổ chức HS thảo luận nhóm: *Nhà nước Âu Lạc có điểm gì giống và khác so với Nhà Nước Văn Lang?*

HS chỉ ra được: Quyền lực của nhà vua được tăng cường hơn. Vị trí đóng đô có sự dịch chuyển từ miền núi Phong Châu xuống miền đồng bằng vùng Cổ Loa. Sức mạnh quân sự của Nhà nước Âu Lạc được đề cao với việc xây dựng hệ thống thành luỹ và tạo nhiều loại vũ khí lợi hại,...

B4:

GV còn có thể định hướng thảo luận: *Nước Âu Lạc thời An Dương Vương có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và nhiều vũ khí tốt, vì sao lại mất nước?* Từ đó, GV có thể chỉ rõ cả nguyên nhân từ phía kẻ xâm lược (Triệu Đà âm mưu, xảo quyệt,...) cùng nguyên nhân từ chính vua Thục (chủ quan, thiếu phòng bị cần thiết,...) và nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan là yếu tố quan trọng nhất. Trên cơ sở đó, giúp HS tự rút ra được bài học về việc mất nước.

**Kết luận:** Thời gian thành lập: khoảng năm 208 TCN.

* Phạm vi không gian lãnh thổ của nước Âu Lạc: mở rộng hơn so với nước Văn Lang.
* Tổ chức nhà nước: không có nhiều thay đổi so với Nhà nước Văn Lang; quyền lực nhà vua được mở rộng hơn.
* Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, đặc biệt có thành Cổ Loa.

Chuyển kinh đô xuống vùng Cổ Loa (Hà Nội).

**Mục 3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Đời sống vật chất:**

Bước 1:

* GV có thể cho HS quan sát những hình ảnh (hình 6, 7, 8 trong SGK) hoặc trên màn hình trình chiếu kết hợp khai thác thông tin trong mục a. Đời sống vật chất và thực hiện yêu cầu: *Mô tả đời sống vật chất của người Việt cổ.*

*Yêu cầu cần đạt:* GV hướng dẫn HS mô tả chi tiết từng hình để nêu được:

+ Người Việt cổ thường ở trong những ngôi nhà sàn mái cong; phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền; nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ,...

+ Người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc đuôi sam, búi tó hoặc để ngang vai; biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá, đồng, vỏ nhuyễn thể). Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, cởi trần, nữ mặc váy và yếm,...

Bước 2:

* GV có thể mở rộng thêm cho HS tìm hiểu về trống đồng Đông Sơn - biểu tượng của nền văn minh Việt cổ bằng các câu hỏi: *Quan sát hình ảnh trống đồng của người Việt cổ, em có nhận xét gì?* (tinh tế, đạt trình độ cao); *Việc tìm thấy trống đồng ở nhiều nước cho thấy điều gì?* (sự ảnh hưởng và lan toả của văn hoá Đông Sơn ra bên ngoài).

+ Để khai thác có hiệu quả nội dung này, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS CHUẨN BỊ trước ở nhà để báo cáo/giới thiệu trước lớp về biểu tượng trống đồng Ngọc Lũ - một thành tựu tiêu biểu của văn hoá Đông Sơn và nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Bước 3:

* GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Những nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là gì?*

HS nêu được: Nghề sản xuất chính đó là nông nghiệp trồng lúa nước, hoa màu, trồng dâu và nuôi tằm; luyện kim phát triển với kĩ thuật đúc đồng đạt đến trình độ cao; bước đầu đã biết đến rèn sắt.

Bước 4:

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

KL: *Đời sống vật chất:*

+ Nghề nông trồng lúa nước cùng vói việc khai khẩn đất hoang, làm thuỷ lợi.

+ Nghề luyện kim với nghề đúc đồng và rèn sắt đạt nhiều thành tựu rực rỡ (trống đồng, thạp đồng).

+ Nguồn thức ăn và nhà ở.

+ Trang phục và cách làm đẹp.

**Đời sống vật chất:**

Bước 1:

GV cho HS đọc thông tin, quan sát hình 8 và trả lời câu hỏi: *Nêu những nét chính về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.*

Bước 2:

GV cho HS mở rộng liên hệ thông qua các câu hỏi như: *Các em biết câu ca dao/truyền thuyết nào nói về trầu cau?* (Yêu nhau cau sáu bổ ba, Ghét nhau cau sáu bổ ba thành mười; Miếng trầu là đầu câu chuyện hoặc Sự tích trầu cau,...); *Ngày Tết chúng ta thường làm những loại bánh gì?* (Bánh chưng, bánh giầy); *Kể một truyền thuyết liên quan đến phong tục của người Việt thời Hùng Vương* (Sự tích trầu cau).

Bước 3:

GV có thể mở rộng kiến thức để giúp HS nhận biết được: *Những phong tục tập quán của người Việt cổ chịu sự chi phối của những yếu tố nào?* (Đó là: điều kiện tự nhiên - khí hậu, sông nước, kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, tinh thần cố kết cộng đồng,...).

HS nêu và lấy được ví dụ cho các ý chính như: tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu,... Đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước.

Bước 4:

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

**KL:** *Đời sống tinh thần:* Tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu,...; các lễ hội gắn với nông nghiệp trồng lúa nước.

*Tổng kết:*  khái quát lại về thời là dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhấn mạnh những giá trị cốt lõi mà thời Văn Lang - Âu Lạc để lại. Đó là: Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên về công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt lõi đó đã tạo dựng, hun đúc nên bản sắc, truyền thống, sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc ta vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1 000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1.** GV hướng dẫn HS lập bảng theo các tiêu chí đã nêu để tạo cơ sở so sánh hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.

**D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà.

**c. Sản phẩm:** bài tập nhóm

**Câu 2.** GV định hướng HS chỉ ra 3 - 5 thành tựu tiêu biểu, có thể là các thành tựu về vật chất, hiện vật cụ thể như: thành cổ Loa, trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh,... cũng có thể là các giá trị mang tính trừu tượng, giá trị tinh thần (Tổ quốc, kĩ thuật luyện kim, nghề nông trồng lúa nước,...).

GV hướng dẫn HS lựa chọn một thành tựu mà HS tâm đắc nhất để tìm hiểu thông tin và viết đoạn văn ngắn giới thiệu về thành tựu ấy. Trong đó, cần nêu được: *Thành tựu đó là gì? Thành tựu đó có gì đặc biệt? Sự ảnh hưởng của thành tựu đó đến ngày nay,...*

**Câu 3.** GV giúp HS hiểu được: Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10-3 âm lịch hằng năm là sự minh chứng cụ thể cho phong tục thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các vua Hùng đã có công dựng nước. Ý nghĩa của việc làm đó thể hiện rõ đạo lí uống nước nhớ nguồn và tâm thức luôn hướng về nguồn cội của người Việt.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Nền văn minh Việt cổ (còn gọi là nền văn minh sông Hồng) với biểu tượng trống đồng Đông Sơn, thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên một nền tảng cộng đồng xóm làng,... Nền văn minh sông Hồng không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập được lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững vàng cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó” (Theo Phan Huy Lê (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỉ XIV,* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.136).
* Trống đồng Đông Sơn: Về múa hoá trang trong những ngày lễ hội như hội mùa, thường tổ chức vào mùa thu, mọi người tham gia náo nức, tấp nập. Mỗi tốp múa thường có 3-4 người hoặc có khi 6-7 người, hoá trang, đầu đội mũ lông chim; có người thổi kèn, có người cầm vũ khí hoặc nhạc cụ. Họ múa theo một động tác thống nhất và thường hoà với tiếng hát ca.

Chính giữa mặt trống đồng là một ngôi sao nhiều cánh tượng trưng cho Mặt Trời. Trống đồng còn được gọi là “trống sấm”, người ta đánh trống đồng để cầu nắng, cầu mưa, những nghi lễ của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

Có thể xem trống đồng là biểu tượng tiêu biểu của nền văn minh Việt Cổ. Trống đồng Đông Sơn là sản phẩm của lao động sáng tạo, một tác phẩm nghệ thuật với những hình trang trí phong phú, sinh động, phủ đấy trên mặt trống đồng và tang trống, phản ánh bằng hình ảnh của cuộc sống lao động, những hình thức tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp thời Hùng Vương.

* Nước Âu Lạc: Nhà nước này được thành lập sau lần đoàn kết kháng chiến chống Tần của các bộ lạc Tây Âu và các bộ lạc Lạc Việt, đã trở thành một nước mạnh có quân đội hùng cường “giỏi cung nỏ, thạo thuỷ chiến”. Kho mũi tên đồng vô cùng lớn về số lượng, những mũi tên tương đối lớn về kích thước (và có những điểm đặc biệt về hình dáng), phát hiện ở Cầu Vực (Khu di tích Cổ Loa) vào năm 1959, là cơ sở tốt để giải thích câu chuyện nỏ thần. Nhiều người chấp thuận ý kiến cho rằng chuyện nỏ thần phản ánh sự xuất hiện, hoặc ít nhất là cải tiến một thứ vũ khí mới lợi hại trong chiến đấu, có tác dụng sát thương cao. Chúng ta cũng không loại trừ khả năng một thứ nỏ máy thô sơ có thể một lúc bắn hàng loạt mũi tên nên truyền thuyết đã cường điệu thành loại nỏ “nhất phát sát vạn nhân” (Theo Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hoá Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm,* NXB Văn học, Hà Nội, tr.625).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*